

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2025/HSPT

Ngày 29/9/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hương và bà Lê Thị Thanh Huyền

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Lê Trúc Uyên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thoáng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 215/2025/TLPT-HS ngày 23 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo Lưu Thành T, Phạm Thị Tường Q, Lưu Thị Quỳnh N, do có kháng cáo của các bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2025/HS-ST ngày 18 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 - Đắk Lắk).

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lưu Thanh T1, sinh năm 1979 tại Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là thôn B, xã E, tỉnh Đắk Lắk). Giới tính: Nam. Văn hóa: 07/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Lưu Văn H, sinh năm 1944 và bà Ngô Thị H1, sinh năm 1950; Vợ: Phạm Thị Tường Q, sinh năm 1984; Con: 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 12/12/2014 bị Công an huyện S, tỉnh Phú Yên xử phạt hành chính 12.500.000 đồng về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép. Ngày 30/9/2015 bị Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích. Bị bắt tạm giam từ ngày 01/01/2025 đến 16/4/2025. Cho bảo lãnh từ ngày 16/4/2025 đến 29/4/2025. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ 22/5/2025 đến 29/6/2025. Có mặt

2. Phạm Thị Tường Q, sinh năm 1984 tại Phú Yên. Giới tính: Nữ. Nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là thôn B, xã E, tỉnh Đắk Lắk). Văn hóa: 09/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Phạm Trọng N1, sinh năm 1956 và bà Trần Thị N2 (chết); Chồng: Lưu Thanh T1, sinh năm 1979; Con: 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án:

Không. Tiền sự: Ngày 23/01/2024 bị UBND huyện S, tỉnh Phú Yên xử phạt hành chính 20.000.000 đồng về hành vi huỷ hoại đất (đã nộp phạt ngày 06/01/2025). Nhân thân: Ngày 30/7/2024 Công an huyện S xử phạt 6.500.000 đồng về hành vi xâm phạm sức khoẻ người khác (mới nộp phạt ngày 11/6/2025); ngày 11/7/2024 tiếp tục có hành vi huỷ hoại đất đã bị UBND xã E chuyển hồ sơ vụ việc cho Cơ quan CSĐT Công an huyện S xem xét dấu hiệu tội phạm Vi phạm quy định về quản lý đất đai theo thẩm quyền. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ 03/01/2025 đến 29/4/2025 và từ ngày 22/5/2025 đến 29/6/2025. Có mặt

3. Lưu Thị Quỳnh N, sinh năm 2006 tại Phú Yên. Giới tính: Nữ. Nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là thôn B, xã E, tỉnh Đắk Lắk). Văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Sinh viên. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Lưu Thanh T1, sinh năm 1979 và bà Phạm Thị Tường Q, sinh năm 1984. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ 08/01/2025 đến 29/4/2025 và từ ngày 22/5/2025 đến 29/6/2025. Có mặt

- *Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo:*

- Người bào chữa cho các bị cáo Lưu Thanh T1, Phạm Thị Tường Q: Luật sư Võ Ngọc C – Văn phòng L1. Có mặt

- *Bị hại:* Trương Văn S, sinh năm 1978; Trú tại: Thôn B, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên. (Nay là thôn B, xã E, tỉnh Đắk Lắk). Có mặt

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Nguyễn Hương Q1 – Luật sư Công ty L2; Địa chỉ: C M, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Y Bơi S1, sinh năm 1982; địa chỉ: Buôn Y, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Buôn Y, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt

- *Người tham gia tố tụng khác:*

1. Bà Nguyễn Thị Ly L, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là thôn B, xã E, tỉnh Đắk Lắk). Có mặt

2. Anh Nguyễn Xuân H2, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là thôn B, xã E, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt

3. Anh Trần Văn D, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện M'Đrăc, tỉnh Đắk Lắk (Nay là thôn Đ, xã C, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt

4. Ông Đặng Văn T2, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là khu phố B, xã S, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 23/5/2024 Lưu Thanh T1 điều khiển xe máy cày đến rẫy của gia đình tại thôn B, xã E, huyện S. Cùng thời điểm này Q (vợ T1), Như (con gái T1) và Y B (người làm thuê cho gia đình T1) cũng đang trồng mía ở rẫy

gần đó. Trước đó, bò của gia đình T1 vào ăn phá hết mía của gia đình ông Trương Văn S mà không chịu nhận và bồi thường, sau đó khi S cầm rựa qua nhà T1 kiểm tra đồng hồ điện, T1 cho rằng S sang để chém mình nên khi thấy vợ chồng ông S bà L đang làm cỏ mía gần rẫy của gia đình T1 thì T1 nảy sinh ý định đánh ông S. T1 lấy 01 cây gỗ tròn dài khoảng 1,5m, đường kính khoảng 05cm tại rẫy của T1 và nói Q, Như đi sang rẫy của ông S. Q, N hiểu ý T1 sang đánh ông S nên đi theo. Q cầm theo 01 cái rựa, sang rẫy của S thì Q nhặt một khúc mía khô còn Như không cầm gì. Khi thấy Y B không đi theo thì Q có nói “Mày sang đây, có gì tao chịu, có gì tao lo cho” nên Y B đi theo. Khi sang rẫy nhà ông S, T1 hỏi ông S tại sao cầm rựa sang nhà T1, ông S trả lời sang xem đồng hồ điện, vừa nói xong thì Q cầm khúc mía khô ném ông S nhưng không trúng. Lúc này T1 dùng cây gỗ mang theo đánh ông S nhiều cái. Ông S đưa cuốc lên đỡ thì bị T1 đánh trúng ngón út bàn tay trái. S lùi lại và bỏ chạy, T1 tiếp tục cầm cây gỗ đuổi theo đánh nhiều cái trúng vào người và vùng trán của S, sau đó T1 vứt cây gỗ tại rẫy của S. Thấy S bị đánh, bà L (vợ ông S) can ngăn T1 thì bị Q và N ôm lại, chửi bới không cho bà L can ngăn. Khi thấy S bị chảy nhiều máu nên Q bảo T1 đi về lại rẫy nhà mình, còn ông S được gia đình đưa đi cấp cứu. Ngày 13/9/2024, ông Trương Văn S có đơn yêu cầu xử lý hình sự. Sau khi thực hiện hành vi, T1 vứt bỏ cây gỗ đầu không biết.

Kết luận giám định pháp y số 234/KLTTCT-PYPY ngày 30/7/2024 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh P kết luận: Tỷ lệ thương tích của Trương Văn S là 06%, do vật tày + vật có cạnh tác động. Riêng tổn thương giảm thị lực ở mắt trái thì ngoài khả năng nên không giám định được.

Bản kết luận tổn thương cơ thể số 1846KL/KTHS ngày 20/8/2024 của Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng kết luận: Tỷ lệ thương tích của Trương Văn S là 07% (sẹo vùng trán phải 03%, sẹo vùng trán trái 03%, sẹo mặt mu đốt 2 ngón V tay trái 01%). Ngoài ra tổn thương sọ não (ổ tổn thương não thùy thái dương trái và trán trái; nứt xương trán) và vỡ thành trong hốc mắt trái, tổn thương thần kinh thị mắt trái của Trương Văn S không do chấn thương ngày 23/5/2024 gây nên.

Bản kết luận tổn thương cơ thể số 317/KLTTCT-PVPYQG ngày 28/11/2024 của P tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tỷ lệ thương tích của Trương Văn S là 07% (sẹo vùng trán phải 03%, sẹo vùng trán trái 03%, sẹo vùng lưng và đốt 2 ngón V tay trái 01%). Vật tác động: Vật tày có cạnh. Di chứng tổn thương cũ thùy trán trái và thùy thái dương trái, gãy xương trán hai bên, gãy thành trong và trần hốc mắt trái, gãy cánh lớn bên trái xương bướm, gãy thành trước xoang trán phải và mù mắt trái là tổn thương cũ xảy ra trước ngày 23/5/2024 nên không xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể, cơ chế và vật gây thương tích. Tổn thương vùng mắt trái của Trương Văn S không phải do chấn thương ngày 23/5/2024 gây ra nên không xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể, cơ chế và vật gây thương tích.

Bản cáo trạng số 17/CT-VKS-HS ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh truy tố các bị cáo Lưu Thanh T1, Phạm Thị Tường Q, Lưu Thị Quỳnh N về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có khai nhận hành vi phạm tội, nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã nộp bồi thường cho bị hại 40.000.000 đồng, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại Trương Văn S yêu cầu các bị cáo bồi thường 237.891.500 đồng gồm các khoản: Điều trị tại các bệnh viện: 44.891.500 đồng; tiền xe từ E đi các bệnh viện, đi giám định: 36.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 20.000.000 đồng, tiền mất thu nhập của bị hại 10 tháng: 125.000.000 đồng, tiền mất thu nhập người nuôi 3 tháng 9.000.000 đồng; tiền ở trọ đi giám định: 2.500.000 đồng và xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật; xin giảm nhẹ cho bị cáo N vì bị cáo N còn nhỏ, đang đi học.

Tại cơ quan điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Y Bơi S1 trình bày: Khi bà Q bảo ông đi sang rẫy ông S thì ông đi theo nhưng đứng một chỗ nhìn chứ không đánh ông S cũng không la ó, nói năng gì. Ông Y B thấy ông T1 cầm cây đánh ông S nhiều cái theo nhiều hướng, bà Q ném khúc mía khô vào ông S và cùng với Như chửi bới, ngăn cản bà L không cho bà L ngăn cản T1 đánh ông S. Sau khi sự việc xảy ra, biết ông đã khai sự thật với Công an thì ông Y B bị gia đình các bị cáo đưa đi nhiều nơi, dọa Công an bắt để ông không đi được đến đâu, không tiếp xúc được với ai và tránh né Công an.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 21/2025/HS-ST ngày 18/6/2025 của Tòa án nhân dân thành huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên (nay là TAND khu vực 15 – Đắk Lắk) đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Lưu Thanh T1, Phạm Thị Tường Q, Lưu Thị Quỳnh N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, khoản 1, 2 Điều 51; điểm p khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Thanh T1 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 01/01/2025 đến 16/4/2025.

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i khoản 1 Điều 51; điểm p khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị Tường Q 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i khoản 1, 2 Điều 51; điểm p khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Thị Quỳnh N 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo N.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 586, Điều 590, Điều 288 Bộ luật dân sự, buộc các bị cáo Lưu Thanh T1, Phạm Thị Tường Q, Lưu Thị Quỳnh N phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Trương Văn S 77. 803.592 đồng, được trừ vào số tiền các bị cáo đã nộp bồi thường thiệt hại 40.000.000 đồng gồm các biên lai thu tiền số 0001371 ngày 14/4/2025, số 0001385, 0001386 ngày 11/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh, các bị cáo phải tiếp tục liên đới bồi thường 37.803.592 đồng (ba mươi bảy triệu tám trăm lẻ ba nghìn năm trăm chín mươi hai đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/6/2025, bị cáo Lưu Thanh T1, Phạm Thị Tường Q, Lưu Thị Quỳnh N có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị xem xét lại tất cả các vấn đề của vụ án: xác định tội danh, mức hình phạt và trách nhiệm dân sự.

Ngày 23/6/2025, bị hại Trương Văn S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giám định lại thương tích con mắt trái và di chứng chấn thương sọ não để tăng mức hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo T1 về tội giết người, xem xét mức bồi thường.

Ngày 09/9/2025, bị cáo Lưu Thanh T1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại phần hình phạt cho bị cáo, bị cáo Q có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ. Bị cáo Lưu Thị Quỳnh N có đơn xin rút kháng cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lưu Thanh T1, Phạm Thị Tường Q thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo T1, bị cáo Q kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại Trương Văn S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Tường Q2.

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm p khoản 1 Điều 52, Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị Tường Q 24 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Q cho UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo, gia đình phối hợp với chính quyền địa phương trong giám sát, giáo dục bị cáo, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Q2.

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm p khoản 1 Điều 52, khoản 1, khoản 2 Điều 54, Điều 59 Bộ luật hình sự, miễn hình phạt cho bị cáo Lưu Thị Quỳnh N.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lưu Thanh T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo.

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm p khoản 1 Điều 52 xử phạt bị cáo Lưu Thanh T1 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 01/01/2025 đến ngày 16/4/2025.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trương Văn S về tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo T1 và kháng cáo của bị cáo Lưu Thanh T1, Phạm Thị Tường Q về phần trách nhiệm dân sự.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Trương Văn S về tăng mức bồi thường, Điều 586, 590, Điều 288 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Lưu Thanh T1 bồi

thường cho bị hại Trương Văn S 83.203.592 đồng. Chấp nhận các bị cáo tự thỏa thuận bồi thường 77.803.592 đồng tại thi hành án dân sự khu vực 15 – Đắk Lắk. Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Buộc bị cáo Lưu Thanh T1 tiếp tục bồi thường cho bị hại Trương Văn S 5.400.000 đồng.

Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận việc cơ quan điều tra trả cho Phạm Thị Tường Q các vật dụng thu giữ là tài sản, đồ vật không liên quan đến việc phạm tội.

Luật sư Võ Ngọc C trình bày lời bào chữa cho các bị cáo:

Đối với bị cáo T1: cấp sơ thẩm xác định bị cáo có hành vi xảo quyệt che giấu tội phạm và áp dụng điểm p khoản 1 Điều 52 đối với các bị cáo là chưa chính xác. Che giấu tội phạm ở đây phải là hành vi che giấu tội phạm khác hành vi phạm tội của chính mình, trong vụ án này bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Đồng thời, cơ quan điều tra đã tách hành vi giữ Y1 ra điều tra trong vụ khác thì không áp dụng tình tiết này là tình tiết tăng nặng trong vụ án này được. Đối với hành vi của bị hại cầm rựa qua nhà bị cáo đe dọa là có dấu hiệu của tội đe dọa giết người. Gia đình bị cáo T1 đã làm đơn gửi đến cơ quan điều tra về việc bị hại có hành vi xâm phạm gia cư bất hợp pháp. Do đó đề nghị HĐXX không áp dụng điểm p khoản 1 Điều 52 BLHS và áp dụng điểm e khoản 1 Điều 51 BLHS phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật của bị hại gây ra và đề nghị giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Đối với bị cáo Q, hành vi của bị cáo có sự cố vũ tinh thần cho bị cáo T1. Tuy nhiên bị cáo có hành vi ôm bị cáo T1 ngăn bị cáo T1 đánh bị hại nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm a khoản 1 Điều 51 BLHS là có hành vi ngăn ngừa giảm bớt hành vi phạm tội, bị cáo ngăn cản bà L là hành vi giảm bớt tội phạm hoặc ngăn ngừa tội phạm khác. Bị cáo Q đi cùng bị cáo T1, không có tính chất côn đồ nên không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS đối với bị cáo Q.

Đồng tình với quan điểm của kiểm sát viên về đề nghị áp dụng mức hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo. So tương quan về vũ khí giữa bên bị cáo và bị hại thì bên bị hại mạnh hơn. Cả hai bên đều đánh qua đánh lại nên bị hại vẫn có khả năng gây thương tích cho bị cáo nên việc truy tố giết người là không phù hợp.

Luật sư Nguyễn Hương Q1 trình bày: Về tội danh đối với bị cáo T1, An lệ số 47 có nội dung dùng hung khí tấn công vào vị trí xung yếu trên cơ thể, do bị hại được cấp cứu kịp thời nên việc không gây chết người là ngoài ý muốn của bị cáo. Bị cáo tấn công từ sau tới, bị hại không kịp trở tay, bị cáo dùng cây đánh vào đầu là vùng trọng yếu trên cơ thể nhiều cái liên tiếp gây thương tích là cấu thành tội giết người theo An lệ số 47. Về tỉ lệ thương tích mắt trái: từ trước đến ngày xảy ra sự việc thì mắt của bị hại vẫn bình thường, theo biên bản làm việc tại bút lục số 41 xác định thời điểm nhập viện, mắt trái dương tính với ánh sáng. Giấy chuyển tuyến bút lục 554 đều xác định mắt trái của bị hại dương tính với ánh sáng. Tại thời điểm ở bệnh viện M xác định mắt mờ và hiện nay là không thấy đường. Do đó kết luận giám định thương tích ở mắt của bị hại không do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là hoàn toàn không có căn cứ. Đề nghị HĐXX cho bị hại giám định lại. Việc bị hại

cầm rựa đến nhà bị cáo rất lâu trước khi hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra nên không thể xem là lỗi của bị hại dẫn đến bị cáo có hành vi phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: trong quá trình điều tra, các bị cáo không có đơn khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các tài liệu, chứng cứ đều được thu thập theo đúng quy định của pháp luật. Các bị cáo, bị hại kháng cáo trong thời hạn luật định nên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Y Boi S1 và những người làm chứng Nguyễn Xuân H2, Trần Văn D, Đặng Văn T2. Xét thấy, những người vắng mặt nêu trên đã có lời khai có tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt những người nêu trên không cản trở đến việc xét xử bị cáo nên căn cứ Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lưu Thanh T1 và Phạm Thị Tường Q, thì thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lưu Thanh T1, Phạm Thị Tường Q thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập, đánh giá có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 23/5/2024 tại thôn B, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên, Lưu Thanh T1 đã có hành vi dùng cây gỗ (là hung khí nguy hiểm) đánh Trương Văn S gây thương tích với tỉ lệ 07%; các bị cáo Phạm Thị Tường Q, Lưu Thị Quỳnh N mặc dù không gây thương tích cho bị hại S nhưng khi biết bị cáo T1 đi qua chỗ bị hại để đánh bị hại, các bị cáo Q, Như tiếp nhận ý chí của bị cáo T1 đi cùng với bị cáo T1. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn nên hậu quả đến đâu các bị cáo phải chịu chung trách nhiệm đến đó. Do đó, cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo Lưu Thanh T1, Phạm Thị Tường Q, Lưu Thị Quỳnh N về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lưu Thanh T1 01 (một) năm tù giam, Phạm Thị Tường Q 09 (chín) tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ và vai trò của từng bị cáo sau khi đã xem xét toàn diện, đánh giá đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã biết ăn năn, hối cải và cung cấp thêm các tài liệu có liên quan đến việc bị cáo đang điều trị bệnh, giấy xác nhận mối quan hệ với liệt sĩ và đang thờ cúng liệt sĩ Nguyễn Q3, các biên lai thu tiền thể hiện bồi thường thêm và án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm số 21/2025/HS-ST ngày 18/6/2025. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh tại cấp phúc thẩm được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lưu Thanh T1, Phạm Thị Tường Q và sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và Nhà nước.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là chưa phù hợp. Bởi lẽ, mâu thuẫn giữa gia đình bị cáo và gia đình bị hại đã xảy ra một thời gian dài, giữa gia đình bị cáo và gia đình bị hại từng có tranh chấp về dân sự đã được Tòa án nhân dân huyện Sông Hình xét xử bằng bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 30/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm Bản án số 13/2025/DS-PT ngày 22/4/2025. Đồng thời, vào trước ngày xảy ra hành vi phạm tội, mặc dù biết giữa bị cáo và bị hại đã có mâu thuẫn trước đó, bị hại vẫn cầm cây rựa sang nhà bị cáo, làm cho mâu thuẫn giữa bị cáo và bị hại càng thêm trầm trọng, tạo tâm lý bức xúc cho bị cáo, dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo vào ngày 23/5/2024; trong quá trình gây án, thương tích của người bị hại do bị cáo T1 gây ra, hành vi của bị cáo không phải hành vi phạm tội vô cớ hoặc xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ nhặt nên áp dụng tình tiết định khung có tính chất côn đồ là không đúng quy định, sai lầm này cấp phúc thẩm có thể khắc phục được và không áp dụng đối với các bị cáo, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Ngày 09/9/2025, bị cáo Lưu Thị Quỳnh N có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lưu Thị Quỳnh N. Tuy nhiên do người bị hại kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để truy tố bị cáo tội Giết người, chiếu theo án Lệ số 47, nên HĐXX vẫn phải xét đối với nội dung kháng cáo của bị hại có liên quan đến bị cáo N.

[6] Xét kháng cáo của bị hại đề nghị giám định lại thương tích con mắt trái và di chứng chấn thương sọ não, hủy án sơ thẩm và xác định tội danh giết người theo Án lệ số 47/2021/AL và tăng hình phạt đối với bị cáo T1, thì thấy:

Tại Bản kết luận tổn thương cơ thể số 1846 KL/KTHS ngày 20/8/2024 của Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng phù hợp với Bản kết luận tổn thương cơ thể số 317/KLTTCT-PVPYQG ngày 28/11/2024 của Phân viện pháp y quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh đều xác định tỷ lệ thương tích của bị hại là 7% và tổn thương vùng mắt trái của bị hại không do chấn thương ngày 23/5/2024 gây nên. Do đó không có cơ sở để trưng cầu giám định lại thương tích của bị hại. Hành vi của bị cáo T1 là nhằm cố ý gây thương tích không nhằm mục đích tước mạng sống của bị hại. Bị cáo chỉ dùng cây gỗ đánh vào vùng trán của bị hại, thương tích do hành vi trái pháp luật của bị cáo gây ra cũng chỉ 7 %. Hành vi phạm tội của bị cáo T1 không đủ yếu tố cấu thành tội giết người. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc giám định lại thương tích, hủy án sơ thẩm và xác định tội danh giết người, tăng hình phạt.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại cung cấp hóa đơn về việc điều trị bệnh mới phát sinh ngày 27/8/2025. Tuy nhiên HĐXX nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tỉ lệ thương tích, các chi phí hợp lý, thực tế gồm: Tiền khám, điều trị có hoá đơn chứng từ: 24.863.592 đồng; Tiền xe đi từ nhà đến khám, chữa, giám định tại các bệnh viện và Trung tâm G, phân viện Đà Nẵng, phân viện TP . là: 23.100.000 đồng; Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần: 14.040.000 đồng; Tiền mất thu nhập của bị hại trong thời gian điều trị từ 24/5/2024 đến

28/5/2024, nghỉ dưỡng bệnh, đi khám giám định là: 8.500.000 đồng; Tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe: 1.200.000 đồng; Tiền mất thu nhập của người chăm sóc: 3.600.000 đồng; T3 trợ đi khám giám định tại Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh: 2.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại 77.803.592 đồng là phù hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án và mức sống, thu nhập thực tế tại địa phương. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại về phần trách nhiệm dân sự.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, HĐXX chỉ chấp nhận một phần với những nội dung như phân tích ở trên. Đối với ý kiến của Luật sư Võ Ngọc C cho rằng không áp dụng điểm p khoản 1 Điều 52 BLHS cho bị cáo, HĐXX thấy rằng việc áp dụng điểm p khoản 1 Điều 52 BLHS đối với hành vi che giấu tội phạm là kể cả hành vi phạm tội của mình và của người khác, không phân biệt hành vi phạm tội đó là của ai, do đó ý kiến của luật sư C là không có cơ sở. Đối với ý kiến của Luật sư Nguyễn Hương Q1 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đã được HĐXX nhận định tại mục [6] của bản án do đó cũng không có căn cứ chấp nhận.

[9]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lưu Thanh T1, Phạm Thị Tường Q, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trương Văn S – Sửa Bản án số 21/2025/HS-ST ngày 18/6/2025 của Tòa án nhân dân thành huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên (nay là TAND khu vực 15 – Đắk Lắk) về phần hình phạt đối với bị cáo Lưu Thanh T1, Phạm Thị Tường Q.

Tuyên bố các bị cáo Lưu Thanh T1, Phạm Thị Tường Q, Lưu Thị Quỳnh N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm p khoản 1 Điều 52 BLHS, xử phạt bị cáo Lưu Thanh T1 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 01/01/2025 đến 16/4/2025.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm p khoản 1 Điều 52 BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Thị Tường Q 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm p khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Thị Quỳnh N

06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo N.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 586, Điều 587, Điều 590, Điều 288 Bộ luật dân sự, buộc các bị cáo Lưu Thanh T1, Phạm Thị Tường Q, Lưu Thị Quỳnh N phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Trương Văn S 77.803.592 đồng, được trừ vào số tiền các bị cáo đã nộp bồi thường thiệt hại 40.000.000 đồng gồm các biên lai thu tiền số 0001371 ngày 14/4/2025, số 0001385, 0001386 ngày 11/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh (Nay là Phòng THADS khu vực A- Đắk Lắk). Ghi nhận bị cáo Lưu Thanh T1 đã nộp số tiền 39.893.592 (*Ba mươi chín triệu tám trăm chín mươi ba nghìn năm trăm chín mươi hai*) đồng, gồm: tiền bồi thường, án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm tại Biên lai thu số 0000157 ngày 08/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lưu Thanh T1, Phạm Thị Tường Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 15, tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 15, tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 15, tỉnh Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Lưu Tòa án và lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn H3